

Số: 10/TB-THPTCKB

Ninh Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024)

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT C Kim Bảng thông báo công khai các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục năm học 2026-2027 của nhà trường như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THPT C Kim Bảng
- Địa chỉ: Phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình
- Website: <https://c3ckimbang.ninhbinh.edu.vn/>
- Loại hình trường: Công lập

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trường THPT C Kim Bảng được thành lập năm 1999, trường đóng trên địa bàn phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển trường đã từng bước vươn mình lớn mạnh, trở thành địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân và học sinh, đào tạo nhiều thế hệ học sinh trưởng thành, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Hiệu trưởng hiện nay: nhà giáo Nguyễn Thị Thu Hiền; Email: thuhien0482@gmail.com

- Tổ chức bộ máy nhà trường: Chi bộ đảng gồm: 47 đảng viên (tính đến tháng 5 /2026); tổ chức Đoàn thanh niên với hơn 1000 đoàn viên; Nhà trường có 5 tổ chuyên môn và tổ Văn phòng. Cụ thể: Tổ Văn - GDKT&PL- GDTC-QPAN; Tổ Toán - Tin, Tổ Sử - Địa - Ngoại Ngữ, Tổ Lí - Hóa - Sinh - Công nghệ và tổ Văn Phòng.

- Tổng số học sinh toàn trường: 1005 học sinh, trong đó:

Lớp	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
Khối 10	8	333	
Khối 11	8	340	
Khối 12	8	332	

II.

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp			
			Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt

	thư viện												
6	Nhân viên HC	1					1						
7	Nhân viên Bảo vệ	3					3						

III. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m ² /học sinh/lớp
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	24	1,5m ² /HS
1	Phòng học kiên cố	24	1,5m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn (tính cả phòng TN-TH)	6	-
6	Số phòng đa chức năng	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	25.900	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	53m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	80,13m ²	
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	106m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	470m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 10	01	
2	Khối lớp 11	01	
3	Khối lớp 12	01	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m ² /học sinh/lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	Không có	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	44	Số học sinh/bộ/phòng
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác... (bảng thông minh)		
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh (dùng chung)
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	07
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0
	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

IV. Về Tài chính

- Kinh phí Ngân sách

- Nhà trường được nhà nước cấp ngân sách theo chế độ chung của các trường THPT.

- Các khoản đóng góp theo quy định của UBND Tỉnh gồm:

- + Dịch vụ vệ sinh
- + Dịch vụ trông xe
- + Dịch vụ nước uống

V. Về tổ chức các hoạt động giáo dục

- + Các kỳ thi, hội thi, hội thao nhà trường tham gia

- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh THPT&GDTX;
- Thi Khoa học kỹ thuật, STEM cho học sinh THPT;
- Thi giải Toán Tiếng Anh trên mạng; thi IOE trên mạng
- Thi TDTT tại ĐH TDTT tỉnh.
- Hội thao GDQP-AN tỉnh.
- + Tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

Theo công văn hướng dẫn của UBND Tỉnh và Sở GD&ĐT, có đơn xem xét theo nguyện vọng của CMHS và học sinh. Trong đó, chú trọng vào việc ôn tập HSG lớp 12 cấp tỉnh; ôn tập thi tốt nghiệp THPT.

+ Song song với việc tập trung dạy kiến thức khoa học, nhà trường dành thời gian phù hợp cho các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm hướng nghiệp, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội cho HS thông qua các câu lạc bộ, các dự án học tập, các đề tài nghiên cứu khoa học.

Cung cấp kiến thức lí thuyết đi đôi với tạo môi trường cho HS thực hành, thực nghiệm; dạy kiến thức không tách rời việc dạy nhân cách là định hướng giáo dục vừa tập trung, vừa toàn diện của nhà trường.

+ Đổi mới công tác quản trị nhà trường, quản lí học sinh; đổi mới phương pháp dạy học để xây dựng một môi trường học tập hiện đại, tiện nghi, thân thiện và nhân văn; tạo môi trường giáo dục mở, khuyến khích phát triển óc sáng tạo, khả năng suy luận, năng lực tư duy, phản biện, hoạt động tự chủ và độc lập của học sinh, nhằm đào tạo những công dân tương lai phát triển toàn diện: mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, có khả năng thích ứng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của đất nước là mục tiêu mà nhà trường luôn hướng tới.

VI. Công khai thông tin kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2025-2026 (Tính đến hết học kỳ 1 năm học 2025-2026)

*** Kiểm định chất lượng giáo dục**

- Tên tổ chức cơ sở kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-

BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 12/VBHN- BGDĐT ngày 31/12/2024 ban hành về quy định Kiểm định chất lượng, chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của BGDĐT hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Mức độ đạt kiểm định: Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và được công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định số 85/QĐ-SGDĐT ngày 23/3/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam.

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 23/3/2028

*** Chất lượng giáo dục**

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1005	333	340	332
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97,51	98,49	94,44	99,7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2,19	1,51	4,68	0,3
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,3	0,0	0,88	0,0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1005	333	340	332
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	50,4	34,44	37,7	79,2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44,8	57,40	56,2	20,8
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4,8	8,16	6,1	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)				
1.1	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
1.2	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với				

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp
	tổng số)		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi, hội thi, ...		Ghi chú
1	- Kỳ thi chọn HSG lớp 12 THPT &GDTX cấp tỉnh năm học 2025-2026:	34	Giải Tư toàn đoàn
2	Thi KHKT, STem	02	Giải Ba KHKT, Stem giải xuất sắc.
3	Hội thao QPAN cấp tỉnh	22	Giải Ba toàn đoàn
4	ĐH TDTT cấp tỉnh	03	Giải Ba toàn đoàn
5	Các cuộc thi trên mạng	09	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	100%	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp (năm học 2024-2025)	100%	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số) (năm học 2024-2025)	80 %	
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	85%	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ		
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	01	

Nơi nhận:

- Website nhà trường;
- Dán bảng tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Thị Thu Hiền**